

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-CĐVT

Đắk Nông, ngày tháng năm 2024

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ sửa
chữa lớn bồn nhất thể hóa C-
08R1S007b,c,d

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa bồn nhất thể hóa C-08R1S007b/c/d. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (*theo phụ lục đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 20/12/2024.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như phục lục kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCDC của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sdt: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa bồn nhất thể hóa C-08R1S007b/c/d

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Bích thép đặc	DN300, PN10, vật liệu inox 304	Sửa chữa bồn nhất thể hóa C-08R1S007b/c/d	cái	36	
2	Co thép	DN150, SCH40, vật liệu inox 304		cái	48	
3	Co thép	DN300, SCH30, vật liệu inox 304		cái	18	
4	Co thép	DN32, SCH40, vật liệu inox 304		cái	36	
5	Co thép	DN40, SCH40, vật liệu inox 304		cái	6	
6	Co thép	DN450, SCH30, vật liệu inox 304		cái	6	
7	Côn giảm đồng tâm	DN200x150, SCH40, vật liệu inox 304		cái	3	
8	Đầu lọc	1T/H; nhựa ABS; tổng dài 115±10mm		cái	6228	
9	Mặt bích	DN150, PN10, vật liệu inox 304		cái	15	
10	Mặt bích	DN400, PN10, vật liệu inox 304		cái	3	
11	Mặt bích	DN450, PN10, vật liệu inox 304		cái	6	
12	Sơn lót	Epoxy interseal 670HS		kg	1314	
13	Sơn phủ	Polyurethane Interthane 990		kg	344	
14	Sơn trung gian	Epoxy interseal 670HS		kg	1314	
15	Tấm chắn hình nón	D445x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
16	Tấm đáy bồn loại 1:	Đường kính cung ngoài 11029mm, đường kính cung trong 7500mm, góc 30 độ, dày 8mm. vật liệu inox 304.		tấm	36	
17	Tấm đáy bồn loại 2:	Đường kính cung ngoài 7500mm, đường kính cung trong 4000mm, góc 30 độ, dày 8mm. vật liệu inox 304.		tấm	36	
18	Tấm đáy bồn loại 3:	Đường kính 4000mm, góc cắt 30 độ, dày 8mm. vật liệu inox 304.		tấm	36	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
19	Tấm đáy khoang lọc:	Đường kính cung ngoài 11029mm, đường kính cung trong 7500mm, góc 30 độ, dày 10mm, khoan lỗ Ø 35mm, số lượng 174 lỗ, vật liệu inox 304		tấm	36	
20	Tấm nắp trên khoang lọc:	Cung lớn 2221mm, đường kính ngoài 11390mm, cung nhỏ 1515mm, đường kính trong 7766mm, cạnh 1812mm, dày 8mm, vật liệu inox 304		tấm	48	
21	Tấm nhựa	D250x250x5120x6mm, vật liệu FRP		tấm	36	
22	Tê thép	DN150, SCH40, vật liệu inox 304		cái	6	
23	Thép hình	I150x75, L=10,7m, vật liệu SS400		cây	6	
24	Thép hình	I150x75, L=7,4m, vật liệu SS400		cây	6	
25	Thép hình	U100x46x5,5mm, vật liệu inox 304		m	5,4	
26	Thép hình	U100x50x5, L=3,64m, vật liệu inox 304		cái	18	
27	Thép hình	U100x50x5mm, vật liệu inox 304		m	18,42	
28	Thép hình	V50x50x5mm, L=50mm, vật liệu inox 304		cái	108	
29	Thép hình	V50x50x5mm, vật liệu inox 304		m	10,08	
30	Thép ống	DN100, SCH40, L=980mm, vật liệu inox 304		cái	144	
31	Thép ống	DN150, SCH40, vật liệu inox 304		m	336	
32	Thép ống	DN32, SCH40, vật liệu inox 304		m	100,8	
33	Thép ống	DN300, SCH30, vật liệu inox 304		m	131,8	
34	Thép ống	DN40, SCH40, vật liệu inox 304		m	12,5	
35	Thép ống	DN400, SCH30, vật liệu inox 304		m	17,8	
36	Thép ống	DN450, SCH20, vật liệu inox 304		m	37,8	
37	Thép ống	DN450, SCH30, vật liệu inox 304		m	4,2	
38	Thép ống	DN80, SCH40, vật liệu inox 304		m	178,5	
39	Thép tấm	1220x300x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
40	Thép tấm	150x150x 10mm, vật liệu inox 304		tấm	288	
41	Thép tấm	1700x1252x1752x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
42	Thép tấm	1725x310x8mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
43	Thép tấm	1725x700x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
44	Thép tấm	200x200x8mm, vật liệu inox 304		tấm	12	
45	Thép tấm	250x4720x8mm, vật liệu inox 304		tấm	54	
46	Thép tấm	2512x1500x8mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
47	Thép tấm	2512x635x8mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
48	Thép tấm	350x250x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
49	Thép tấm	3927x1000x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
50	Thép tấm	3927x1252x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
51	Thép tấm	400x300x8mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
52	Thép tấm	400x400x8mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
53	Thép tấm	400x600x8mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
54	Thép tấm	470x350x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
55	Thép tấm	500x310x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
56	Thép tấm	600x400x8mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
57	Thép tấm	6908x1500x8mm, vật liệu inox 304		tấm	75	
58	Thép tấm	700x310x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
59	Thép tấm	800x300x8mm, vật liệu inox 304		tấm	6	
60	Thép tấm	800x400x8mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
61	Thép tấm	810x310x8mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
62	Thép tấm	810x500x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
63	Thép tấm	D300x8mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
64	Thép tấm	D457/D325, vật liệu inox 304		cái	18	
65	Thép tấm	D457x8mm, vật liệu inox 304		cái	36	
66	Thép tấm	D800x8, vật liệu inox 304		tấm	3	
67	Ty ren	M12×800mm, vật liệu inox 304		cái	54	
68	Van bi	DN15, PN10, CF8/ SUS304		cái	3	
69	Van bướm	DN150, PN10, CF8/SUS304		cái	3	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.